

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-01-2024

V/v: “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hồ Quang Minh**

2. Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 839/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Hùng C**, sinh năm 1967.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Hồng G**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hùng C** trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà G xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1989, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung Phạm Văn B, sinh năm 1989 và Phạm Hồng L, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, nên không có yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

- Bị đơn: Bà **Trần Hồng G** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông C xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1989, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nay, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng ý ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung Phạm Văn B, sinh năm 1989 và Phạm Hồng L, sinh năm 1999. Hiện các con đã trưởng thành, nên không có yêu cầu giải quyết về người nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt đương sự: Do các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Căn cứ các điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Ông C và bà G chung sống với nhau từ năm 1989, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào xác nhận ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, xác định ông C và bà G không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân đã vi phạm về hình thức.

Nay, cả ông C và bà G đều yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn và mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về hình thức.

Từ đó, căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày

06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cường, không công nhận giữa ông C và bà G là vợ chồng.

- Về con chung: Ông C và bà G có 02 người con chung là Phạm Văn B, sinh năm 1989 và Phạm Hồng L, sinh năm 1999 và hiện các con của ông C và bà G đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết người nuôi dưỡng.

- Về tài sản, nợ: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí:** Buộc ông C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại biên lai 4260 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 228, 235, 238, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hùng C.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa ông Phạm Hùng C và bà Trần Hồng G là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết người nuôi dưỡng.

3/ Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc ông Phạm Hùng C phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng mà ông C đã dự nộp tại Biên lai

thu tiền số 4260 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang